

Bản án số: 76/2022/DS-ST
Ngày: 03-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Ngày 22/3/2019, ông Nguyễn Thanh H ký với Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 472075-7707

(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.131.600 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền (gồm gốc và lãi) là 39.870.000 đồng.

Kể từ ngày 22/11/2019 ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 22/02/2020 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông H là 22.833.917 đồng sang nợ quá hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông H thanh toán nhưng ông H cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 03/6/2022 ông Nguyễn Thanh H còn nợ Ngân hàng số tiền là 55.089.205 đồng, trong đó nợ gốc là 22.833.917 đồng, nợ lãi là 32.255.288 đồng.

Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H trả số tiền tính đến ngày 03/6/2022 là 62.361.896 đồng trong đó nợ gốc 55.089.205 đồng, trong đó nợ gốc là 22.833.917 đồng, nợ lãi là 32.255.288 đồng. Ngoài ra, ông H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 04/6/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Thanh H là bị đơn đến Tòa án để làm việc và giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Thanh H vẫn không có mặt mà không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Việc đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm theo luật định;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh H phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Ông Nguyễn Thanh H có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh H là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc là 32.255.288 đồng.

Căn cứ Hợp đồng mở thẻ tín dụng ký ngày 22/3/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) có số thẻ 472075-7707 và bản tóm tắt sao kê có đủ cơ sở để xác định bị đơn là ông H có sử dụng thẻ của Ngân hàng, giữa ông Nguyễn Thanh H và Ngân hàng đã phát sinh giao dịch dân sự là vay tài sản. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng mở thẻ tín dụng ký ngày 22/3/2019 thì ông H được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.131.600 đồng và đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 39.870.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi.

Kể từ ngày 22/11/2019, ông Nguyễn Thanh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 22.833.917 đồng (gồm nợ gốc, phí trễ hạn và lãi trong hạn) sang nợ quá hạn kể từ ngày 22/02/2020.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Trong trường hợp này, ông Nguyễn Thanh H là bên đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán trong hợp đồng tín dụng.

Theo quy định tại Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Thanh H phải trả số tiền nợ gốc là 32.255.288 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

Trong quá trình vay và sử dụng thẻ ông H đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo quy định trong hợp đồng nên ông H phải chịu lãi được quy định theo các điều khoản của hợp đồng. Theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng mở thẻ tín dụng ký ngày 22/3/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) do

ông H ký thì giữa ông H và Ngân hàng đã thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Như vậy, theo hợp đồng thế tín dụng nói trên, ông H đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng nghĩa là ông H mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi được quy định trong hợp đồng và phải chịu các nghĩa vụ thanh toán khác của Ngân hàng.

Tính đến ngày 03/6/2022, số tiền lãi mà ông H phải trả cho nguyên đơn là 32.255.288 đồng. Ngoài ra, ông H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 04/6/2022 cho đến khi ông H trả hết nợ.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Thanh H phải trả cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày 03/6/2022 là 32.255.288 đồng và ông H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 04/6/2022 cho đến khi ông H trả hết nợ là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 55.089.205 đồng, trong đó nợ gốc là 22.833.917 đồng, nợ lãi là 32.255.288 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 04/6/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Về phương thức trả nợ: Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H phải trả toàn bộ số nợ còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thanh H phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tính đến ngày 03/6/2022 là 55.089.205 đồng, trong đó nợ gốc là 22.833.917 đồng, nợ lãi là 32.255.288 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 04/6/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ

theo Hợp đồng mở Thẻ tín dụng số thẻ 472075-7707 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) ký ngày 22/3/2019.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm là 2.754.460 (Hai triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi) đồng do ông Nguyễn Thanh H chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.067.948 (Một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0073209 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên

